TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2020/DS-ST
Ngày: 31/3/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quang Thuần
2. Ông Dương Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Hện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng H.

Trụ sở: Tòa nhà 15T, đường Nguyễn Thị Định, khu đô thị mới phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C1 - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu H - Chức vụ: Cán bộ tín dụng.

Địa chỉ: Số 04, đường Trương Vân Lĩnh, phường TS, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Bà Tăng Bích N, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H có mặt, bà N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2019, bản khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hữu H trình bày:

Ngân hàng H (gọi tắt là Ngân hàng) có cho bà Tăng Bích N vay vốn theo hợp đồng tín dụng số DHTC140048/HĐTD ngày 25/4/2014 với số tiền

170.000.000đ, phương thức cho vay: từng lần; thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất cho vay có điều chỉnh: 1,07%/tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng, trả công thợ và mua sắm trang thiết bị phục vụ bán quán ăn gia đình. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã P, Hện Đ, tỉnh Đồng Nai có diện tích 434,2m^2 thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 36; hình thức sử dụng: riêng; loại đất ở thổ cư: 300m^2; đất vườn 134,2m^2; thời hạn sử dụng: đất thổ cư: Lâu dài, đất vườn đến tháng 10/2043 theo giấy chứng nhận quyền sửu dụng đất số V787281 do Ủy ban nhân dân Hện Đ cấp cho bà N ngày 04/7/2002.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà N đã trả được 48.371.400đ tiền gốc. Từ ngày 05/02/2016 cho đến nay (ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2020), bà N không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi đúng như cam kết, ngân hàng đã nhiều lần thông báo về việc trả nợ nhưng không liên hệ được. Ngày 07/9/2017, Ngân hàng cHển khoản nợ của bà N sang nợ quá hạn. Trong thời gian trên, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với bà N, đồng thời sử dụng nhiều biện pháp hỗ trợ thu hồi vốn nhưng bà N không có thiện chí trả nợ.

Vì vậy, ngân hàng H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tăng Bích N có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc: 121.628.600đ; tiền lãi tính đến ngày 31/3/2020 là: 72.509.415đ (gồm tiền lãi trong hạn là 19.993.800đ, tiền lãi quá hạn là 52.515.615đ); tổng cộng là: 194.138.015đ. Đồng thời, yêu cầu bà N chịu tiền lãi từ ngày 01/4/2020 đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng H thì Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã P, Hện Đ, tỉnh Đồng Nai nêu trên. Nếu tài sản trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà N thì bà N phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Ngoài ra, đại diện Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đối với bị đơn bà Tăng Bích N: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cơ bản đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải và giao nhận văn bản tố tụng: Tòa án xác định và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H: Ngân hàng cung cấp hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ thể hiện bà N đã nhận tiền vay theo hợp đồng tín dụng, các chứng cứ bà N đã vi phạm hợp đồng, nên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về tiền gốc và tiền lãi.

Về tài sản đảm bảo thi hành án: Các đương sự thực hiện việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H, buộc bà Tăng Bích N phải trả cho Ngân hàng H số tiền 194.138.015đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với tài sản đã thế chấp: Các bên thực hiện việc thế chấp đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị xác định tài sản đã thế chấp là tài sản đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bà Tăng Bích N là người cao tuổi nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Tăng Bích N được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo hợp đồng tín dụng ngày 25/4/2014 thì thời hạn vay là 48 tháng, đến ngày 01/8/2019 Ngân hàng khởi kiện nên thời hiệu khởi vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật và loại việc: Căn cứ đơn khởi kiện, chứng cứ ngân hàng cung cấp thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng thể hiện mục đích vay là "Thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng, trả công thợ và mua sắm trang thiết bị phục vụ bán quán ăn gia đình", mục đích vay trong hợp đồng chưa thể hiện rõ ràng cả Ngân hàng và bà N đều có mục đích lợi nhuận, cả Ngân hàng và bà N đều có đăng ký kinh doanh. Đồng thời bà N không đến Tòa án làm việc nên không làm rõ được ý kiến

của bà N về những nội dung này nên xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là vụ án dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định Ngân hàng hợp tác xã là nguyên đơn, bà Tăng Bích N là bị đơn. Theo sổ hộ khẩu, ngoài chủ hộ là bà Tăng Bích N thì còn có các con Phạm Thị Tường vi, sinh năm 1981, Lê Hoàng Gia Bảo sinh năm 1992 và cháu Vân Phạm Đông Nghi, sinh ngày 11/9/2007. Qua xác minh tại địa phương thì bà N cùng các con, cháu hiện không ở tại ấp 1, xã P, Hện Đ (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú). Bên cạnh đó, Ngân hàng chỉ cho bà N vay và tài sản thế chấp chỉ một mình bà N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không đưa các con, cháu của bà N là Phạm Thị Tường vi, Lê Hoàng Gia Bảo và Vân Phạm Đông Nghi tham gia tố tụng.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quy định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo thì áp dụng các Điều 26, 35, 68, 147, 159, 184, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 4, 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Tất cả các chứng cứ đã được Tòa án thông báo, công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đã photo cho các đương sự theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa cũng đã công bố lại cho đương sự biết. Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về đường lối giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng H:

Đối với yêu cầu về tiền nợ gốc: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với số nợ tiền gốc là 121.628.600đ. Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ chứng cứ như các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, chứng cứ bà N đã vi phạm hợp đồng (không trả nợ theo cam kết từ 05/02/2016)… Xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, vì hợp đồng tín dụng hai bên ký kết đúng quy định, có hiệu lực pháp lực, các chứng cứ Ngân hàng cung cấp là hợp pháp, thể hiện bà N đã nhận tiền vay theo hợp đồng và cũng đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc 121.628.600đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền lãi do vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký với số tiền tính đến ngày 31/3/2020 là 72.509.415đ, gồm: tiền lãi trong hạn là 19.993.800đ, tiền lãi quá hạn là 52.515.615đ. Xét các chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp thể hiện bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 05/02/2016 và Ngân hàng đã cHển khoản nợ vay thành nợ quá hạn từ ngày 07/9/2017, nên phải có trách nhiệm trả tiền lãi theo hợp đồng đã ký. Số tiền lãi mà Ngân hàng đã tính toán là chính xác. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà N trả tiền lãi tính đến ngày 31/3/2020 là 72.509.415đ (gồm: tiền lãi trong hạn là 19.993.800đ, tiền lãi quá hạn là 52.515.615đ) là có căn cứ.

Qua nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H, buộc bà N phải trả cho Ngân hàng H tổng số tiền gốc và tiền lãi là 194.138.015đ. Trong đó: Tiền nợ gốc là 121.628.600đ, tiền lãi là 72.509.415đ (gồm: tiền lãi trong hạn là 19.993.800đ, tiền lãi quá hạn là 52.515.615đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà N) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu Ngân hàng H về việc đưa tài sản đã thế chấp làm tài sản đảm bảo thi hành án: Ngân hàng đã cung cấp hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với bà N, xét hợp đồng thế chấp tài sản đã được hai bên tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, nên yêu cầu này của Ngân hàng H là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng H, đưa tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên làm tài sản đảm bảo thi hành án.

[8] Về chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí đo đạc là 538.159đ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 400.000đ. Tổng cộng là 938.159đ. Ngân hàng H đã nộp nhưng không yêu cầu bà N thanh toán lại nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí:

Bà Tăng Bích N là người cao tuổi nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí 4.497.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002590 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Đ.

[8] Về án phí:

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 68, 147, 159, 184, 220, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 4, 91, 95 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Tăng Bích N.

Buộc bà Tăng Bích N trả cho Ngân hàng H tổng số tiền là 194.138.015đ (Một trăm chín mươi tư triệu một trăm ba mươi tám ngàn không trăm mười lăm

đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 121.628.600đ (Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm đồng), tiền nợ lãi là 72.509.415đ (Bảy mươi hai triệu năm trăm lẽ chín ngàn bốn trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tài sản đảm bảo thi hành án là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã P, Hện Đ, tỉnh Đồng Nai có diện tích 434,2m^2 thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 36; hình thức sử dụng: riêng; loại đất ở thổ cư: 300m^2; đất vườn 134,2m^2; thời hạn sử dụng: đất thổ cư: Lâu dài, đất vườn đến tháng 10/2043 theo giấy chứng nhận quyền sửu dụng đất số V787281 do Ủy ban nhân dân Hện Đ cấp cho bà Tăng Bích N ngày 04/7/2002.

3. Về án phí:

Bà Tăng Bích N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí 4.497.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002590 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Đ.

4. Ngân hàng H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tăng Bích N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phan Thanh Hà